

**CÔNG TY TNHH MTV THOÁT NƯỚC
ĐÔ THỊ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2023

CÔNG TY TNHH MTV THOÁT NƯỚC ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

MỤC LỤC

Trang

1.	BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01 - 03
2.	BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 06
3.	BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP	07 - 08
4.	BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP	09 - 09
5.	BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP	10 - 10
6.	THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP	11 - 27

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Thoát nước Đô thị Thành phố Hồ Chí Minh trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 06 năm 2023 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty Thoát nước Đô thị là doanh nghiệp được thành lập theo Quyết định 5348/QĐ-UB-KT ngày 02 tháng 07 năm 1997 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 103490 ngày 06 tháng 01 năm 1998, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký lại lần thứ nhất số 0300430412 ngày 04 tháng 07 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và thay đổi lần thứ 06 ngày 04 tháng 11 năm 2009.

Ngày 16 tháng 08 năm 2010 Công ty Thoát nước Đô thị được chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV Thoát nước Đô thị Thành phố Hồ Chí Minh theo quyết định số 2884/QĐ-UBND ngày 05 tháng 07 năm 2010 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Hiện nay, Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300430412 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 16 tháng 08 năm 2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 18 tháng 11 năm 2021.

Tên Công ty bằng tiếng nước ngoài: Ho Chi Minh City Urban Drainage Company Limited.

Tên Công ty viết tắt: UDC HCMC.

Vốn điều lệ: 240.327.000.000 VND

Địa chỉ trụ sở chính: Số 4 Nguyễn Thiện Thuật, Phường 24, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.

Hoạt động chính của Công ty

- **Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật:** có liên quan Giám sát thi công xây dựng công trình cấp thoát nước (xây dựng và hoàn thiện). Khảo sát địa hình công trình xây dựng;

- **Hoạt động công ích:** quản lý, duy tu sửa chữa hệ thống thoát nước, cửa xả, vớt rác, nạo vét bùn đất kênh rạch;

- **Hoạt động kinh doanh khác:** xây dựng mới hệ thống thoát nước, xử lý nước thải. Sản xuất kinh doanh vật tư chuyên ngành. Tư vấn khảo sát thiết kế công trình thoát nước và xử lý nước thải. Kinh doanh địa ốc. Sửa chữa, xây dựng mới mặt đường và vỉa hè. Tư vấn, thiết kế các công trình công nghiệp, dân dụng, kỹ thuật hạ tầng đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, công trình thoát nước. Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, cầu đường. Xử lý nước thải; thu gom rác thải không độc hại; rác thải độc hại; xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại; tái chế phế liệu từ bùn và chất thải rắn; rác thải độc hại và không độc hại. Sửa chữa máy móc, thiết bị. Khai thác, xử lý và cung cấp nước. Xây dựng các công trình công ích. Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;

Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán 30 tháng 06 năm 2023 đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc

Hội đồng thành viên, Ban Giám đốc của Công ty tại ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp và báo cáo này bao gồm:

Hội đồng thành viên

Họ và tên	Chức vụ
Ông Lê Quốc Tuấn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hữu Phán	Thành viên
Ông Bùi Công Viên	Thành viên

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Hữu Phán	Giám đốc
Ông Lý Thọ Đắc	Phó Giám đốc
Ông Diệp Nguyên Thịnh	Phó Giám đốc
Ông Dương Tiến Dũng	Phó Giám đốc

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm Toán và Tư Vấn Tài Chính Toàn Cầu (GAFC) đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2023 và bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định làm kiểm toán viên độc lập cho Công ty.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này Công ty phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp;
- Lập báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp; các sổ sách kế toán thích hợp được lưu trữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Phê duyệt các Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 06 năm 2023, phù hợp các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ Kế toán của Bộ Tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 08 năm 2023

Chức năng Ban Giám đốc



NGUYỄN HỮU PHÁN
Giám đốc



Enhance your values

GLOBAL AUDITING

Head Office: Floor 19, Block A, Indochina Park Tower
Transaction Office: R.1203, Floor 12, Block A, Indochina Park Tower
No.04 Nguyen Dinh Chieu Street, Da Kao Ward, District 1, HCMC, VN
Tel: (84-28) 62 998 263/4 - Fax: (84-28) 62 998 267
Email: info@globalauditing.com - Web: www.globalauditing.com

Số: 3107-01/2023/GAFC/KiT/6M2023

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN - BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY TNHH MTV THOÁT NƯỚC ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty TNHH MTV Thoát nước Đô thị Thành phố Hồ Chí Minh được lập ngày 15 tháng 08 năm 2023, từ trang 07 đến trang 27 kèm theo, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 06 năm 2023 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán của Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà Chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của Chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

1. Chúng tôi đã không tham gia chứng kiến kê tiền mặt, tài sản cố định, hàng tồn kho vào ngày 30 tháng 06 năm 2023. Đồng thời, đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này, chúng tôi vẫn chưa nhận được đầy đủ thư xác nhận công nợ liên quan đến các khoản phải thu khách hàng, trả trước cho người bán, phải thu khác, phải trả người bán, phải trả khác, người mua trả tiền trước tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2023. Với tài liệu hiện có của Công ty, Chúng tôi cũng không thể tiến hành các thủ tục kiểm toán thay thế để kiểm chứng các số liệu nêu trên.

Trong đó:

(*) Tại ngày 30/06/2023, Số dư bên có tài khoản phải thu của Trung tâm điều hành chương trình chống ngập nước thành phố Hồ Chí Minh với giá trị **18.407.257.721 VND** là số dư tồn đọng từ năm 2018 trở về trước. Với tài liệu hiện có của công ty chúng tôi vẫn chưa đủ cơ sở để kiểm tra, đối chiếu khoản công nợ này cũng như đánh giá ảnh hưởng của nó đến các chỉ tiêu khác trên Báo cáo tài chính Tổng hợp của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 30/06/2023.

(**) Tại ngày 30/06/2023, Số dư công nợ phải thu khác của Trung tâm điều hành chương trình chống ngập nước thành phố Hồ Chí Minh với giá trị **3.208.154.743 VND**, đây là số tiền Trung tâm đề nghị Công ty chuyển cho Kho bạc Nhà nước liên quan đến quyết định số 136/QĐ-TTTP-P7 ngày 25/4/2016 của Thanh tra Thành phố về việc thu hồi tiền lương khi Thanh tra Thành phố thanh tra tại Trung tâm cho giai đoạn 2011-2013. Tuy nhiên đến thời điểm hiện tại, khoản công nợ này vẫn chưa được thu hồi. Với tài liệu hiện có của Công ty chúng tôi vẫn không đủ cơ sở để đưa ra ý kiến về khoản công nợ này cũng như đánh giá ảnh hưởng của nó đến các chỉ tiêu khác trên Báo cáo tài chính Tổng hợp của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 30/06/2023.

2. Cho tới thời điểm 30/06/2023, Công ty đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi cho các khoản nợ đã quá hạn từ những năm trước với giá trị là **33.836.524.026 VND**. Bên cạnh đó, nhiều khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, trả trước cho người bán và tạm ứng tồn đọng khác Công ty vẫn chưa xem xét trích lập dự phòng phải thu khó đòi một cách đầy đủ, giá trị công nợ chưa trích lập dự phòng là **24.362.844.460 VND**. Với tài liệu hiện có của Công ty, Chúng tôi không thể thu thập đủ bằng chứng thích hợp để đánh giá khả năng thu hồi của các khoản nợ khó đòi này cũng như không thể xác định giá trị dự phòng cần thiết phải trích lập.

3. Cho tới thời điểm 30/06/2023, Công ty ghi nhận một lượng hàng tồn kho chậm luân chuyển có giá trị sổ sách là **2.819.004.066 VND** nhưng Công ty vẫn chưa xem xét trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần thiết cho các mặt hàng này. Với số liệu hiện có của Công ty, chúng tôi cũng không thể đưa ra ý kiến về việc trích lập cũng như mức dự phòng cần thiết cho lượng hàng tồn kho chậm luân chuyển này.

4. Trong kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023, Công ty phát sinh nghiệp vụ điều chỉnh giảm doanh thu của các hoạt động duy tu thoát nước năm 2019 thực hiện theo hình thức đặt hàng theo Thông báo số 1674/TB-KV IV ngày 22/12/2022 của Kiểm toán Nhà nước Khu vực IV và Công văn số 360/TTHT-KHTC ngày 10/02/2023 của Trung tâm Quản lý Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM với số tiền **2.046.601.939 VND**. Điều này làm ảnh hưởng đáng kể đến Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm tài chính 2023 và các năm trước.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến Chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của **Công ty TNHH MTV Thoát nước Đô thị Thành phố Hồ Chí Minh** tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 06 năm 2023, phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Vấn đề khác

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi muốn lưu ý đến người đọc rằng một số thông tin như sau:

- Như đã nêu tại Mục 5 phần I của Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp: Ngày 24/11/2016, Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định số 6084/QĐ-UBND về việc cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Thoát nước Đô thị thành phố Hồ Chí Minh. Theo đó, thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa là thời điểm 31/12/2016. Tuy nhiên, đến thời điểm 30/06/2023, công tác Xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa vẫn chưa hoàn thành. Do đó, căn cứ theo Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ và Nghị định 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp Nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp Nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần thì đã quá hạn 12 tháng kể từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đến thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp nên Chủ sở hữu phải điều chỉnh lại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Đến thời điểm phát hành Báo cáo tài chính tổng hợp này, Chủ sở hữu vẫn chưa có quyết định điều chỉnh thống nhất lại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty. Do đó, Báo cáo tài chính tổng hợp cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 06 năm 2023 được lập theo mục đích thông thường hàng năm mà không nhằm phục vụ cho mục đích xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty.
- Như đã nêu tại Mục 8 phần V của Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp về các khoản tiền mà Công ty bỏ ra để mua quyền sử dụng đất của người dân từ nhiều năm trước nhưng chưa thể chuyển quyền sử dụng đất sang tên Công ty do vướng các thủ tục về pháp lý.
- Tại thời điểm phát hành báo cáo này, quỹ lương 6 tháng đầu năm 2023 của Công ty đang được tạm tính và vẫn chưa được cơ quan chức năng phê duyệt. Do đó, quỹ lương năm 2023 sẽ được điều chỉnh sau khi được phê duyệt quyết toán chính thức.
- Ngoài ra, chúng tôi muốn lưu ý đến người đọc tại Mục 4, Phần VII của Thuyết Minh Báo cáo tài chính về tình hình giải quyết khoản nợ khó đòi của Công ty TNHH Rungsupcharoenkit Tunnelling bằng hình thức khởi kiện.

ĐẠI DIỆN CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH TOÀN CẦU (GAFC)



NGUYỄN THIÊN TÍNH
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề
Kiểm toán số: 1549-2023-205-1
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 15 tháng 08 năm 2023

NGUYỄN THỊ THU HÀ
Kiểm toán viên phụ trách
Chứng nhận đăng ký hành nghề
Kiểm toán số: 5462-2021-205-1

CÔNG TY TNHH MTV THOÁT NƯỚC ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Báo cáo tài chính tổng hợp

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	TM	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU KỲ
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		275.340.724.309	267.936.047.636
I. Tiền & các khoản tương đương tiền	110	V.1.	166.777.464.722	93.825.608.384
Tiền	111		156.256.729.713	82.560.366.948
Các khoản tương đương tiền	112		10.520.735.009	11.265.241.436
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	5.000.000.000	5.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		5.000.000.000	5.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		65.466.613.608	140.845.087.499
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3.	55.093.110.276	141.693.420.511
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4.	25.815.494.334	18.875.238.485
Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5.	18.391.046.024	14.112.952.529
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.5.	(33.833.037.026)	(33.836.524.026)
IV. Hàng tồn kho	140		35.379.178.343	23.727.292.518
Hàng tồn kho	141	V.7.	35.379.178.343	23.727.292.518
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.717.467.636	4.538.059.235
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14.	2.717.467.636	4.538.059.235
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		188.790.285.132	195.358.430.376
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		172.255.871.875	178.502.643.253
TSCĐ hữu hình	221	V.9.	116.695.565.287	122.650.413.565
- Nguyên giá	222		433.667.608.658	433.418.026.251
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(316.972.043.371)	(310.767.612.686)
TSCĐ vô hình	227	V.10.	55.560.306.588	55.852.229.688
Nguyên giá	228		61.208.213.624	61.208.213.624
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.647.907.036)	(5.355.983.936)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		8.755.152.731	8.755.152.731
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.8.	8.755.152.731	8.755.152.731
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		7.779.260.526	8.100.634.392
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11.	7.779.260.526	8.100.634.392
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		464.131.009.441	463.294.478.012

CÔNG TY TNHH MTV THOÁT NƯỚC ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Báo cáo tài chính tổng hợp

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	TM	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU KỲ
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		129.270.448.192	131.204.178.942
I. Nợ ngắn hạn	310		124.251.292.062	126.185.022.812
Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12.	23.596.872.724	60.488.189.831
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13.	24.039.505.978	23.826.745.184
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14.	15.310.006.665	10.812.349.080
Phải trả người lao động	314		31.981.970.246	12.497.573.519
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15.	454.680.729	454.680.729
Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16.	24.835.663.277	10.474.603.272
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.032.592.443	7.630.881.197
II. Nợ dài hạn	330		5.019.156.130	5.019.156.130
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		5.019.156.130	5.019.156.130
D. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		334.860.561.249	332.090.299.070
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17.	333.381.174.009	330.610.911.830
Vốn góp của chủ sở hữu	411		239.393.306.678	239.393.306.678
Vốn khác của chủ sở hữu	414		58.504.103.734	58.504.103.734
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		35.483.763.597	32.713.501.418
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		32.713.501.418	32.713.501.418
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2.770.262.179	-
II. Nguồn kinh phí	430	V.18.	1.479.387.240	1.479.387.240
Nguồn kinh phí	431		1.479.387.240	1.479.387.240
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		464.131.009.441	463.294.478.012

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 08 năm 2023


PHẠM QUỐC LONG
 Người lập


NGUYỄN CÔNG HƯNG
 Kế toán trưởng


NGUYỄN HỮU PHÁN
 Giám đốc

CÔNG TY TNHH MTV THOÁT NƯỚC ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Báo cáo tài chính tổng hợp

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 06 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 31/12/2022
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1.	325.242.939.397	643.942.357.992
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2.	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	VI.3.	325.242.939.397	643.942.357.992
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4.	275.772.413.717	538.930.411.316
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		49.470.525.680	105.011.946.676
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5.	596.458.808	706.984.862
7. Chi phí tài chính	22		-	-
- Trong đó : Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6.	40.092.796.202	78.343.458.294
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)]	30		9.974.188.286	27.375.473.244
11. Thu nhập khác	31	VI.7.	14.101.053	119.839.179
12. Chi phí khác	32	VI.8.	820.369.292	196.335.686
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(806.268.239)	(76.496.507)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		9.167.920.047	27.298.976.737
15. Chi phí Thuế TNDN hiện hành	51	VI.10.	1.997.657.868	5.495.385.031
16. Chi phí Thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		7.170.262.179	21.803.591.706

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 08 năm 2023


PHẠM QUỐC LONG
 Người lập


NGUYỄN CÔNG HƯNG
 Kế toán trưởng

NGUYỄN HỮU PHÁN
 Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MS TM	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 31/12/2022
I - Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	01	9.167.920.047	27.298.976.737
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02	6.496.353.785	13.385.195.171
- Các khoản dự phòng	03	(3.487.000)	426.256.697
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(596.458.808)	(706.984.862)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	15.064.328.024	40.403.443.743
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	77.202.552.490	794.509.546
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(11.651.885.825)	5.664.807.653
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	525.776.903	(45.223.071.765)
- Tăng giảm chi phí trả trước	12	321.373.866	(1.279.738.813)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(858.876.767)	(7.581.302.528)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	146.520.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(7.998.288.754)	(13.138.036.136)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	72.604.979.937	(20.212.868.300)
II - Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(249.582.407)	(3.132.827.347)
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	596.458.808	706.984.862
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	346.876.401	(2.425.842.485)
III - Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	72.951.856.338	(22.638.710.785)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	93.825.608.384	116.464.319.169
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	166.777.464.722	93.825.608.384

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 08 năm 2023



PHẠM QUỐC LONG
Người lập



NGUYỄN CÔNG HƯNG
Kế toán trưởng




NGUYỄN HỮU PHÁN
Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn và thông tin doanh nghiệp:

Công ty Thoát nước Đô thị là doanh nghiệp được thành lập theo Quyết định 5348/QĐ-UB-KT ngày 02 tháng 07 năm 1997 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 103490 ngày 06 tháng 01 năm 1998, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký lại lần thứ nhất số 0300430412 ngày 04 tháng 07 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và thay đổi lần thứ 06 ngày 04 tháng 11 năm 2009.

Ngày 16 tháng 08 năm 2010 Công ty Thoát nước Đô thị được chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV Thoát nước Đô thị Thành phố Hồ Chí Minh theo quyết định số 2884/QĐ-UBND ngày 05 tháng 07 năm 2010 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Hiện nay, Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300430412 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 16 tháng 08 năm 2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 18 tháng 11 năm 2021.

Tên Công ty bằng tiếng nước ngoài: Ho Chi Minh City Urban Drainage Company Limited.

Tên Công ty viết tắt: UDC HCMC.

Vốn điều lệ: 240.327.000.000 VND

Địa chỉ trụ sở chính: Số 4 Nguyễn Thiện Thuật, Phường 24, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.

2. Lĩnh vực kinh doanh: Dịch vụ, xây dựng, bất động sản

3. Ngành nghề kinh doanh

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật: có liên quan Giám sát thi công xây dựng công trình cấp thoát nước (xây dựng và hoàn thiện). Khảo sát địa hình công trình xây dựng;

- Hoạt động công ích: quản lý, duy tu sửa chữa hệ thống thoát nước, cửa xả, vớt rác, nạo vét bùn đất kênh rạch;

- Hoạt động kinh doanh khác: xây dựng mới hệ thống thoát nước, xử lý nước thải. Sản xuất kinh doanh vật tư chuyên ngành. Tư vấn khảo sát thiết kế công trình thoát nước và xử lý nước thải. Kinh doanh địa ốc. Sửa chữa, xây dựng mới mặt đường và vỉa hè. Tư vấn, thiết kế các công trình công nghiệp, dân dụng, kỹ thuật hạ tầng đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, công trình thoát nước. Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, cầu đường. Xử lý nước thải; thu gom rác thải không độc hại; rác thải độc hại; xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại; tái chế phế liệu từ bùn và chất thải rắn; rác thải độc hại và không độc hại. Sửa chữa máy móc, thiết bị. Khai thác, xử lý và cung cấp nước. Xây dựng các công trình công ích. Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong năm là hoạt động công ích, thi công các công trình xây dựng. Theo đó chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty đối với hoạt động công ích là ngắn ngày và quay vòng thường xuyên trong năm. Đối với thi công các công trình xây dựng, chu kỳ kinh doanh thông thường phụ thuộc theo tiến độ chung cho dự án, công trình, do đó các công trình có thể kéo dài trong 01 năm hoặc hơn.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Công ty hoạt động dịch vụ công ích, thi công các công trình xây dựng, nhu cầu của thị trường cũng như các chính sách kích cầu của Nhà nước sẽ ảnh hưởng lớn đến doanh thu. Bên cạnh đó, tình hình và số lượng các Công ty cùng ngành đang ngày càng gia tăng cũng làm ảnh hưởng đáng kể đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Ngoài ra, vấn đề về đầu tư phát triển mở rộng và nâng cấp hạ tầng đô thị cũng như việc Công ty thực hiện tiết kiệm chi phí phù hợp cũng ảnh hưởng lớn đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Ngày 24/11/2016, Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định số 6084/QĐ-UBND về việc cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Thoát nước Đô thị thành phố Hồ Chí Minh. Theo đó, thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa là thời điểm 31/12/2016. Tuy nhiên, đến thời điểm 30/06/2023, công tác Xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa vẫn chưa hoàn thành. Do đó, căn cứ theo Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ và Nghị định 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp Nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp Nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần thì đã quá hạn 12 tháng kể từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đến thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp nên Chủ sở hữu phải điều chỉnh lại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Đến thời điểm phát hành Báo cáo tài chính tổng hợp này, Chủ sở hữu vẫn chưa có quyết định điều chỉnh thống nhất lại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty. Do đó, Báo cáo tài chính tổng hợp cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 06 năm 2023 được lập theo mục đích thông thường hàng năm mà không nhằm phục vụ cho mục đích xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty.

Trong kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023, Công ty phát sinh nghiệp vụ điều chỉnh giảm doanh thu của các hoạt động duy tu thoát nước năm 2019 thực hiện theo hình thức đặt hàng theo Thông báo số 1674/TB-KV IV ngày 22/12/2022 của Kiểm toán Nhà Nước Khu vực IV và Công văn số 360/TTHT-KHTC ngày 10/02/2023 của Trung tâm Quản lý HTKT TP. HCM với số tiền 2.046.601.939 VND. Điều này làm ảnh hưởng đáng kể đến Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm tài chính 2023 và các năm trước.

6. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/06/2023, Công ty có 14 chi nhánh, xí nghiệp hạch toán phụ thuộc như sau: Xí nghiệp xử lý nước thải Bình Hưng Hòa, Xí nghiệp vận hành hệ thống thoát nước thải Phú Lâm, Xí nghiệp vận hành bảo dưỡng trạm bơm nước thải Nhiêu Lộc - Thị Nghè, Xí nghiệp thi công công trình hạ tầng kỹ thuật, Chi nhánh thoát nước số 01, Chi nhánh thoát nước số 02, Chi nhánh thoát nước số 03, Chi nhánh thoát nước số 04, Chi nhánh thoát nước số 05, Chi nhánh thoát nước số 06, Chi nhánh thoát nước Đông Thành phố, Chi nhánh thoát nước Tây Thành phố, Chi nhánh thoát nước Nam Thành phố, Chi nhánh thoát nước Bắc Thành phố.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm:

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ báo cáo này từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 06 năm 2023.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

Đơn vị sử dụng Đồng Việt Nam trong hạch toán kế toán.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015 và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Vì vậy, bảng cân đối kế toán tổng hợp, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp và thuyết minh các báo cáo tài chính tổng hợp được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

3. Hình thức sổ kế toán áp dụng:

Công ty sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ trên phần mềm kế toán.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI DOANH NGHIỆP (TRONG TRƯỜNG HỢP DOANH NGHIỆP ĐÁP ỨNG GIẢ ĐỊNH HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC)

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính và nguyên tắc chuyển đổi Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính sử dụng đơn vị tiền tệ là đồng Việt Nam ("VND"), và được lập theo Chế độ kế toán, Chuẩn mực kế toán, Nguyên tắc kế toán Việt Nam được chấp nhận chung tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc và Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty, các nghiệp vụ và số dư giữa Văn phòng Công ty với các đơn vị trực thuộc và giữa các đơn vị trực thuộc với nhau đã được loại trừ khi trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty.

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Nguyên tắc kế toán Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

Nguyên tắc ghi nhận:

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Lập dự phòng phải thu khó đòi:

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ 1 năm trở lên doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng chưa thu được nợ và các khoản nợ dưới 1 năm nhưng con nợ có dấu hiệu không trả được nợ. Tăng hoặc giảm khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi được tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập theo từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ đơn vị chưa tiến hành trích lập đầy đủ dự phòng nợ phải thu khó đòi.

5. Hàng tồn kho

a. Nguyên tắc ghi nhận tồn kho:

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

b. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho:

Thực tế đích danh

c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:

Kê khai thường xuyên

d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Cuối kỳ kế toán năm, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho với giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong năm.

Trong kỳ đơn vị chưa tiến hành trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

6. Nguyên tắc ghi nhận và các khấu hao TSCĐ, bất động sản đầu tư

a. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được tính vào giá trị tài sản, chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi (lỗ) nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được thể hiện theo nguyên giá. Nguyên giá này bao gồm chi phí xây dựng, giá trị máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang không được tính khấu hao cho đến khi các tài sản có liên quan được hoàn thành và đưa vào sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình:

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao áp dụng theo thời gian quy định tại thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài Chính, cụ thể như sau:

Nhóm Tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10

b. Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là tổng bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

TSCĐ vô hình của công ty là các phần mềm máy quản lý, phần mềm kế toán, phần mềm tính toán thủy lực và các phần mềm khác được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

TSCĐ vô hình là Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Công ty không thực hiện trích khấu hao với Quyền sử dụng đất không có thời hạn.

Phần mềm quản lý được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 08 - 10 năm, phần mềm kế toán khấu hao trong 05 năm, các phần mềm khác khấu hao từ 03 - 10 năm.

7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ, tiền thuê đất và các chi phí khác mà mang lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho công ty. Chi phí trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh sử dụng theo khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng, tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (46 năm).

8. Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

9. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác:

Nợ phải trả được ghi nhận khi có đủ điều kiện chắc chắn là doanh nghiệp sẽ phải dùng một lượng tiền chi ra để trang trải cho những nghĩa vụ hiện tại và khoản nợ phải trả đó phải xác định một cách đáng tin cậy.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán sẽ tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch đó.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí thuê ngoài: trích trước theo thời gian thực hiện hợp đồng.
- Chi phí nhân công, vật tư, nhiên liệu: trích trước theo hồ sơ dự toán trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các chủ sở hữu.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc lỗ hoạt động kinh doanh.

Nguyên tắc phân phối lợi nhuận: lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho chủ sở hữu sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được hội đồng thành viên phê duyệt.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu trong năm của Công ty chủ yếu từ các hoạt động kinh doanh như: doanh thu các hoạt động công ích; doanh thu hoạt động xây dựng; doanh thu cho hoạt động khác, ...

a. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ :

Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Xác định được phần công việc đã hoàn thành.

Xác định được chi phí phát sinh và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

b. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính :

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

c. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu, chi phí xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây lắp quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

- Đối với các hợp đồng xây lắp quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.

- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây lắp đã được ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

13. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ duy tu, xây dựng, lắp đặt là tập hợp chi phí phục vụ duy tu và tổng giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

14. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:

Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất hiện hành 20% trên thu nhập chịu thuế.

Các loại thuế khác theo quy định hiện hành tại thời điểm nộp thuế hàng năm.

Các báo cáo thuế của Công ty chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định thuế đối với các nghiệp vụ có thể được hiểu theo nhiều cách khác nhau, do vậy, các số liệu thuế thể hiện trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

16. Các bên liên quan

Các doanh nghiệp – kể cả công ty mẹ, công ty con – các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty được coi là các bên liên quan.

Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Tiền mặt tại quỹ	203.117.945	161.515.639
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	156.053.611.768	82.398.851.309
Các khoản tương đương tiền	10.520.735.009	11.265.241.436
Tổng cộng	166.777.464.722	93.825.608.384

2. Đầu tư tài chính ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.000.000.000	5.000.000.000
<i>Tiền gửi có kỳ hạn</i>	<i>5.000.000.000</i>	<i>5.000.000.000</i>
Tổng cộng	5.000.000.000	5.000.000.000

3. Phải thu của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Trung tâm Quản lý Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM	39.971.160	83.381.371.090
Công ty TNHH MTV Cựu Chiến Binh TP.HCM	5.113.979.562	5.113.979.562
Tổng Công ty Điện lực TP.HCM TNHH - Chi nhánh		
Tổng Công ty Điện lực TP.HCM TNHH - Ban QLDA	4.110.914.184	5.897.937.697
Lưới điện Phân phối TP.HCM		
Công ty Cổ Phần Hải Đăng	7.089.880.142	7.589.880.142
Khách hàng khác	38.738.365.228	39.710.252.020
Cộng	55.093.110.276	141.693.420.511

CÔNG TY TNHH MTV THOÁT NƯỚC ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Báo cáo tài chính tổng hợp

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**4. Trả trước cho người bán**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Trả trước cho người bán ngắn hạn	25.815.494.334	18.875.238.485
Công ty TNHH Xây dựng hạ tầng Thái Long	993.340.148	993.340.148
Công ty TNHH Rungsupcharoenkit Tunnelling	12.000.000.000	12.000.000.000
Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng quận Bình Thạnh	1.384.805.575	1.384.805.575
Công ty CP Thiết bị Phụ tùng	1.197.229.696	1.197.229.696
Công ty Cổ phần Kỹ Thuật Thương Mại Phú Nam	1.790.136.000	-
Công ty TNHH Xây Dựng Hạ Tầng Việt Nhật	1.396.580.000	-
Nhà cung cấp khác	7.053.402.915	3.299.863.066
Cộng	25.815.494.334	18.875.238.485

5. Phải thu khác

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Phải thu khác ngắn hạn	18.391.046.024	14.112.952.529
Phải thu khác	1.143.167.920	1.145.955.193
<i>Nguyễn Thị Sang</i>	507.324.754	507.324.754
<i>Nguyễn Trọng Luyện</i>	358.523.166	358.523.166
<i>Xí nghiệp TNLV Nam Thành phố</i>	-	31.787.273
<i>Liên hiệp Khoa học sản xuất công nghệ hóa học</i>	112.320.000	112.320.000
<i>Công ty TNHH Hồng Lĩnh</i>	40.000.000	40.000.000
<i>Phải thu khác</i>	125.000.000	96.000.000
Tạm ứng	8.329.290.621	7.128.775.425
Phải thu về cổ phần hóa	369.400.000	369.400.000
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	5.341.032.740	2.260.667.168
Các khoản phải thu khác (*)	3.208.154.743	3.208.154.743
Tổng cộng	18.391.046.024	14.112.952.529
Dự phòng phải thu khó đòi	(33.833.037.026)	(33.836.524.026)
Giá trị thuần của phải thu thương mại và phải thu khác	65.466.613.608	140.845.087.499

(*) Khoản tiền phạt đã nộp cho Kho bạc Nhà nước do Thanh tra thành phố thanh tra năm 2011 - 2013 tại Trung tâm điều hành chống ngập.

6. Nợ xấu

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Giá trị khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	58.199.368.486	-	59.323.497.625	-
Tổng cộng	58.199.368.486	-	59.323.497.625	-

CÔNG TY TNHH MTV THOÁT NƯỚC ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Báo cáo tài chính tổng hợp

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

	Quá hạn dưới 1 năm	Quá hạn dưới 2 năm	Quá hạn dưới 3 năm	Quá hạn trên 3 năm
Công nợ tồn đọng khoản phải thu khách hàng	-	487.709.677	3.195.461.905	28.273.282.834
Công ty TNHH MTV Cựu Chiến Binh TP.HCM	-	-	-	5.113.979.562
Công ty Cổ phần Phát triển Kỹ thuật Xây dựng Khu quản lý giao thông đô thị số 1	-	-	-	3.489.168.021
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích TNXP	-	-	-	2.216.057.000
Công ty CP Kinh doanh nhà Thửa Thiên Huế	-	-	-	1.863.447.290
Công ty TNHH Xây Dựng Công Trình Hùng Vương	-	-	1.051.155.685	-
Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng Đô thị	-	-	1.602.508.587	-
Công ty CP Constrexim	-	-	-	1.311.363.878
Meco	-	-	-	1.166.820.017
Công ty TNHH Hải Sơn	-	-	-	10.629.675.174
Phải thu khách hàng khác	-	487.709.677	541.797.633	17.916.950.124
Công nợ tồn đọng khoản ứng trước cho người bán	-	567.158.261	-	-
Công ty TNHH Rungsupcharoenkit	-	-	-	12.000.000.000
Tunnelling	-	-	-	1.384.805.575
Ban BTGPMBQ Bình	-	-	-	1.197.229.696
Công ty cổ phần thiết bị Phụ Tùng	-	-	-	-
Các khoản ứng trước cho người bán khác	-	567.158.261	-	3.334.914.853
Công nợ tồn đọng khoản tạm ứng	-	603.000.000	-	2.929.483.022
Xí nghiệp Thi công CT Hạ Tầng Kỹ Thuật	-	-	-	1.264.815.271
Các khoản tạm ứng khác	-	603.000.000	-	1.664.667.751
Công nợ tồn đọng khoản phải thu khác	-	-	-	4.226.322.663
Trung tâm điều hành chương trình chống ngập	-	-	-	3.208.154.743
Các khoản phải thu khác	-	-	-	1.018.167.920
Tổng cộng	-	1.657.867.938	3.195.461.905	53.346.038.643

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Nguyên liệu, vật liệu	23.597.188.345	8.166.477.006
Công cụ, dụng cụ	1.114.557.330	1.138.149.148
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*)	10.667.432.668	14.422.666.364
Tổng cộng	35.379.178.343	23.727.292.518
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được	35.379.178.343	23.727.292.518

(*) Các khoản chi phí dở dang của hoạt động thi công ngoài với giá trị **9.560.871.137 VND** đã tồn từ lâu chưa thể quyết toán nhưng Ban Giám Đốc Công ty cam kết về khả năng thu hồi của các khoản chi phí dở dang này.

CÔNG TY TNHH MTV THOÁT NƯỚC ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Báo cáo tài chính tổng hợp

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Chi phí chuyển nhượng quyền sử dụng đất đầu tư bãi đậu xe Bình Mỹ, Củ Chi. (*)	7.203.840.270	7.203.840.270
Chi phí chuyển nhượng quyền sử dụng đất đầu tư bãi đỗ bùn Trung An, Củ Chi. (*)	526.312.114	526.312.114
Chi phí lập báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế thi công và tổng dự toán "Triển khai các giải pháp phần mềm tại Công ty". (**)	283.920.000	283.920.000
Chi phí xây dựng trạm xử lý nước thải tại trụ sở VP Công ty công suất 15m3/ngày đêm	741.080.347	741.080.347
Cộng	8.755.152.731	8.755.152.731

(*) Chi phí chuyển nhượng quyền sử dụng đất phục vụ hoạt động của Công ty qua nhiều năm chưa được sang tên vì vướng thủ tục pháp lý.

(**) Chi phí nghiên cứu khả thi nhưng không hình thành dự án chưa được xử lý.

9. Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	TSCĐ hữu hình khác (*)	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ					
Số đầu năm	49.404.209.396	84.507.433.743	239.278.126.925	60.228.256.187	433.418.026.251
Tăng trong kỳ	-	249.582.407	-	-	249.582.407
Mua trong kỳ	-	249.582.407	-	-	249.582.407
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	49.404.209.396	84.757.016.150	239.278.126.925	60.228.256.187	433.667.608.658
HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu kỳ	17.496.356.100	78.576.360.936	212.991.750.941	1.703.144.709	310.767.612.686
Tăng trong kỳ	930.227.232	1.202.484.398	4.057.119.051	14.600.004	6.204.430.685
Khấu hao	930.227.232	1.202.484.398	4.057.119.051	14.600.004	6.204.430.685
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	18.426.583.332	79.778.845.334	217.048.869.992	1.717.744.713	316.972.043.371
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số đầu kỳ	31.907.853.296	5.931.072.807	26.286.375.984	58.525.111.478	122.650.413.565
Số cuối kỳ	30.977.626.064	4.978.170.816	22.229.256.933	58.510.511.474	116.695.565.287

Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tới thời điểm 30/06/2023: 241.568.070.562 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

- (*) Bao gồm Tài sản cố định khác tạm tăng theo các quyết định của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Tài chính. Công ty không thực hiện trích khấu hao. Cụ thể:

STT	Số quyết định	Ngày	Nội dung	Giá trị
1	4815/QĐ-UBND	22/10/2007	Dự án " Sản xuất các phay điều tiết nước và van một chiều "	409.232.647
2	4616/QĐ-STC-ĐTSC	16/05/2011	Dự án " Cải tạo HTTN đường Phạm Thế Hiển - Q8 đoạn từ cầu Nhị Thiên Đường đến cầu Mật "	11.390.613.399
3	3042/QĐ-UBND	14/06/2011	DA " Cải tạo rạch Cầu Mè-Q11 giải quyết ngập khu vực Minh Phụng - Hàn Hải Nguyên "	16.063.960.127
4	7997/QĐ-STC-ĐTSC	28/07/2011	DA đầu tư " Lắp đặt HTTN đường An.D.Vương giải quyết ngập khu vực mũi tàu Phú Lâm-Q6"	20.737.487.689
5	4694/QĐ-STC	28/05/2012	DA đầu tư " giải quyết ngập khu vực các đường Q1 : Cô Giang-Cô Bắc-N.K.Nhu - N.C.Trình-N.T.Học - Lê Lai "	9.902.809.872
Tổng cộng				58.504.103.734

10. Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất (*)	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ			
Số đầu kỳ	54.865.551.124	6.342.662.500	61.208.213.624
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	54.865.551.124	6.342.662.500	61.208.213.624
HAO MÒN LŨY KẾ			
Số đầu kỳ	-	5.355.983.936	5.355.983.936
Tăng trong kỳ	-	291.923.100	291.923.100
Khấu hao	-	291.923.100	291.923.100
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	-	5.647.907.036	5.647.907.036
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số đầu kỳ	54.865.551.124	986.678.564	55.852.229.688
Số cuối kỳ	54.865.551.124	694.755.464	55.560.306.588

Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tới thời điểm 30/06/2023: 2.009.992.500 VND.

- (*) Đây là Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 10, tờ bản đồ số 29 tại địa chỉ số 04 đường Nguyễn Thiện Thuật, Phường 24, Quận Bình Thạnh, Tp.HCM với diện tích đất là 1.084,4 m², hình thức sử dụng đất là sử dụng riêng, mục đích sử dụng đất là đất thương mại, dịch vụ (làm văn phòng công ty), thời hạn sử dụng đất lâu dài và nguồn gốc là chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp.

11. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
Chi phí thuê đất (*)	6.636.436.259	-	92.229.660	6.544.206.599
Công cụ dụng cụ	230.430.817	227.888.640	110.391.390	347.928.067
Chi phí văn phòng, nhà xưởng	1.233.767.316	-	346.641.456	887.125.860
Tổng cộng	8.100.634.392	227.888.640	549.262.506	7.779.260.526

- (*) Tiền thuê đất tại Lô 6, Cụm công nghiệp Nhị Xuân theo hợp đồng nguyên tắc số 124/HĐ-TNĐT-QLDA.TN ngày 23/7/2010 đến ngày 9/1/2058 (46 năm) nhằm phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

CÔNG TY TNHH MTV THOÁT NƯỚC ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Bảo cáo tài chính tổng hợp

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**12. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Công ty CP Ba An	287.569.024	807.116.604
Công ty cổ phần xăng dầu dầu khí Sài Gòn	770.827.410	1.059.674.260
Công ty TNHH MTV HADA Tây Ninh	2.100.711.921	2.100.711.921
Công ty TNHH Thương Mại Đầu Tư Xây Dựng Và Phát Triển Thanh Hà	-	2.134.550.041
Công ty TNHH Thương Mại Minh Minh Quân	-	2.364.600.000
Công ty TNHH Xây Dựng Công Trình Hùng Vương	-	2.883.668.300
Công ty TNHH một thành viên Xây Dựng Tiến Văn	2.088.396.301	2.929.235.241
Công ty TNHH MTV SX TM Cầu Kien Bê Tông	1.262.940.001	1.201.240.001
Công ty TNHH cơ khí xây dựng thương mại Trí Quốc	-	3.008.298.730
Công ty TNHH Đại Hòa Phú	-	3.162.420.947
Nhà cung cấp khác	17.086.428.067	38.836.673.786
Tổng cộng	23.596.872.724	60.488.189.831

(*) Chi tiết các khoản công nợ phải trả người bán tồn đọng chưa xử lý:

Phải trả người bán ngắn hạn tồn đọng	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng BMT	441.618.060	441.618.060
Công ty cổ phần thương mại điện máy Kim Biên	254.165.120	254.165.120
Công ty cổ phần xây dựng cấp thoát nước Gia Định	517.280.283	517.280.283
Công ty TNHH cơ khí xây dựng Đồng Tâm	374.248.205	374.248.205
Công ty TNHH tư vấn xây dựng Vạn Cát	279.021.330	279.021.330
Công ty TNHH XD TM Nam Phước	643.584.803	643.584.803
Công ty TNHH MTV HADA Tây Ninh	2.100.711.921	-
Doanh Nghiệp Tư Nhân Vật Liệu Xây Dựng Kiều Lan	847.105.000	-
Nhà cung cấp khác	926.775.600	1.027.712.618
Tổng cộng	6.384.510.322	3.537.630.419

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Trung tâm điều hành chương trình chống ngập nước TP.HCM	18.407.257.721	18.407.257.721
Công ty TNHH Trung Nam BT 1547	2.170.649.000	2.170.649.000
Khách hàng khác	3.461.599.257	3.248.838.463
Tổng cộng	24.039.505.978	23.826.745.184

(*) Chi tiết số dư tồn đọng chưa xử lý:

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Trung tâm điều hành chương trình chống ngập nước TP.HCM	18.407.257.721	18.407.257.721
Công ty TNHH Trung Nam BT 1547	2.170.649.000	2.170.649.000
Chi nhánh công ty cổ phần đầu tư Năm Bầy Bầy	819.651.646	819.651.646
Khách hàng khác	1.936.379.508	831.200.059
Tổng cộng	23.333.937.875	22.228.758.426

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**14. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước**

	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT đầu ra phải nộp	10.385.191.394	32.676.729.272	27.810.614.248	15.251.306.418
Thuế TNDN	(4.538.059.235)	2.679.468.366	858.876.767	(2.717.467.636)
Thuế thu nhập cá nhân	427.157.686	1.076.693.563	1.445.151.002	58.700.247
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	18.000.000	18.000.000	-
Tổng cộng	6.274.289.845	36.450.891.201	30.132.642.017	12.592.539.029

15. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Chi phí xây dựng trụ sở văn phòng	454.680.729	454.680.729
Tổng cộng	454.680.729	454.680.729

16. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Kinh phí công đoàn	213.882.704	214.686.048
Bảo hiểm xã hội	2.727.004.476	-
Bảo hiểm y tế	481.954.230	-
Bảo hiểm thất nghiệp	213.882.704	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	20.000.000	-
Công ty TNHH Xây dựng Hạ tầng Thái Long	2.774.148.059	2.774.148.059
Công ty cổ phần kỹ thuật thương mại Phú Nam	3.595.078.000	-
Công ty TNHH Xây Dựng Công Trình Hùng Vương	3.618.825.000	-
Công ty TNHH Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Thiên Lộc	1.808.600.000	-
Phải trả cho các Xí nghiệp trực thuộc	6.666.644.284	6.666.644.284
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.715.643.820	819.124.881
Tổng cộng	24.835.663.277	10.474.603.272

(*) Chi tiết khoản công nợ phải trả khác tồn đọng chưa xử lý:

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Công ty TNHH Xây dựng Hạ tầng Thái Long	2.774.148.059	2.774.148.059
Phải trả cho các Xí nghiệp trực thuộc	6.666.644.284	6.666.644.284
Nhà cung cấp khác	122.833.981	138.003.299
Tổng cộng	9.563.626.324	9.578.795.642

17. Vốn chủ sở hữu**a. Chi tiết vốn đầu tư Chủ sở hữu**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300430412 ngày 18 tháng 11 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Chi tiết phần vốn góp của Chủ sở hữu như sau:

Tên chủ sở hữu	Vốn điều lệ	Tỷ lệ
Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh	240.327.000.000	100%
Tổng cộng	240.327.000.000	100%

CÔNG TY TNHH MTV THOÁT NƯỚC ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Báo cáo tài chính tổng hợp

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**b. Tình hình biến động vốn chủ sở hữu trong năm:**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác	LN sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	239.393.306.678	58.504.103.734	32.713.501.418	330.610.911.830
Lãi năm trước	-	-	21.803.591.706	21.803.591.706
Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm trước (*)	-	-	(21.430.684.206)	(21.430.684.206)
Tạm trích quỹ thưởng BQL điều hành năm trước (*)	-	-	(372.907.500)	(372.907.500)
Số dư cuối năm trước	239.393.306.678	58.504.103.734	32.713.501.418	330.610.911.830
Số dư đầu năm nay	239.393.306.678	58.504.103.734	32.713.501.418	330.610.911.830
Lãi kỳ này	-	-	7.170.262.179	7.170.262.179
Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi trong kỳ (*)	-	-	(4.400.000.000)	(4.400.000.000)
Số dư cuối kỳ này	239.393.306.678	58.504.103.734	35.483.763.597	333.381.174.009

(*) Công ty tạm phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2022 theo Nghị định 91/2015/NĐ-CP ngày 01/12/2015 và Thông tư 36/2021/TT-BTC ngày 26/05/2021. Công ty có trách nhiệm điều chỉnh phù hợp với Quyết định phê duyệt phân phối lợi nhuận của Cơ quan đại diện Chủ sở hữu.

18. Nguồn kinh phí

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Số đầu năm	1.479.387.240	2.802.049.380
- Nguồn kinh phí được cấp trong năm	-	-
- Chi sự nghiệp	-	1.322.662.140
Số cuối năm	1.479.387.240	1.479.387.240

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 31/12/2022
Tổng doanh thu	325.242.939.397	643.942.357.992
Doanh thu duy tu	314.146.193.976	608.403.341.194
Doanh thu công trình khác	11.096.745.421	35.539.016.798

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

-

3. Doanh thu thuần

325.242.939.397	643.942.357.992
------------------------	------------------------

4. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 31/12/2022
Giá vốn duy tu	267.045.920.661	507.796.535.547
Giá vốn công trình khác	8.726.493.056	31.133.875.769
Tổng cộng	275.772.413.717	538.930.411.316

5. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 31/12/2022
Lãi tiền gửi	596.458.808	706.984.862
Tổng cộng	596.458.808	706.984.862

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính được đính kèm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 31/12/2022
Chi phí nhân viên quản lý	22.883.811.047	38.999.639.681
Chi phí vật liệu quản lý	265.442.798	1.517.494.400
Chi phí đồ dùng văn phòng	358.343.604	2.506.013.139
Khấu hao tài sản cố định	1.845.111.854	3.168.409.880
Thuế phí và lệ phí	3.528.095.204	2.353.919.962
Chi phí dự phòng	(3.487.000)	(426.256.697)
Trích lập quỹ khoa học và công nghệ	-	1.091.959.069
Chi phí mua ngoài	7.060.746.200	18.611.925.366
Chi phí bằng tiền khác	4.154.732.495	10.520.353.494
Tổng cộng	40.092.796.202	78.343.458.294

7. Thu nhập khác

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 31/12/2022
Thu nhập khác	14.101.053	119.839.179
Tổng cộng	14.101.053	119.839.179

8. Chi phí khác

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 31/12/2022
Tiền chậm nộp thuế và vi phạm hành chính	820.369.292	196.335.686
Tổng cộng	820.369.292	196.335.686

9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 31/12/2022
Chi phí nguyên phụ liệu	63.368.079.088	145.166.200.161
Chi phí nhân công	174.999.543.096	265.972.119.112
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.496.353.785	13.385.195.171
Chi phí dự phòng	(3.487.000)	(426.256.697)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	41.940.105.885	124.572.399.127
Chi phí bằng tiền khác	25.309.381.369	64.137.660.494
Tổng cộng	312.109.976.223	612.807.317.368

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 31/12/2022
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	9.167.920.047	27.298.976.737
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận xác định thu nhập chịu thuế		
- Các khoản điều chỉnh tăng	820.369.292	651.016.415
+ Chi phí không hợp lý	820.369.292	651.016.415
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	473.067.999
+ Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	-	473.067.999
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	9.988.289.339	27.476.925.153
Thuế suất phổ thông	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.997.657.868	5.495.385.031

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán 30 tháng 06 năm 2023 đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Thông tin về các bên liên quan

Những giao dịch chủ yếu của Công ty với bên liên quan trong năm bao gồm:

Giao dịch Bên liên quan	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 31/12/2022
Thu nhập Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát, Ban giám đốc, Kế toán trưởng	1.638.900.000	2.910.824.059

3. Một số chỉ số đánh giá tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp**Chỉ tiêu**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
3.1. Bộ trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn		
3.1.1. Bộ trí cơ cấu tài sản (%)		
- Tài sản dài hạn / Tổng tài sản	40,68%	42,17%
- Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản	59,32%	57,83%
3.1.2. Bộ trí cơ cấu nguồn vốn (%)		
- Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	27,85%	28,32%
- Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn	72,15%	71,68%
3.2. Khả năng thanh toán		
3.2.1. Khả năng thanh toán nợ (lần)	3,59	3,53
3.2.2. Khả năng thanh toán hiện hành (lần)	2,22	2,12
3.2.3. Khả năng thanh toán nhanh (lần)	1,34	0,74
	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 31/12/2022
3.3. Tỷ suất sinh lời		
3.3.1. Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu thuần (%)		
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	2,82%	4,24%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	2,20%	3,39%
3.3.2. Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (%)		
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	1,98%	5,89%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	1,54%	4,71%
3.3.3. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên nguồn vốn chủ sở hữu	3,00%	9,11%

4. Những thông tin khác

Cho tới ngày kết thúc năm tài chính, Vụ kiện của Công ty TNHH MTV Thoát nước Đô thị Thành phố Hồ Chí Minh khởi kiện Công ty TNHH Rungsupcharoenkit Tunnelling để thu hồi số nợ 12.000.000.000 VND tiền ứng trước thực hiện hợp đồng tại Thái Lan đang được tiến hành, vẫn chưa có quyết định chính thức của Tòa án.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

5. Phê chuẩn Báo cáo tài chính:

Các Báo cáo tài chính trên đây đã được Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Thoát nước Đô thị Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt vào ngày 15 tháng 08 năm 2023.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 08 năm 2023



PHẠM QUỐC LONG
Người lập



NGUYỄN CÔNG HƯNG
Kế toán trưởng



NGUYỄN HỮU PHÁN
Giám đốc